

Quản trị kinh tế số của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trước thách thức sáp nhập đơn vị hành chính

Digital economy governance by the Ho Chi Minh City People's Committee in the face of challenges arising from administrative unit merger

ThS. TRẦN DUY LÂM

Trường Đại học FPT; Email: llct.010203@gmail.com

Ngày nhận bài: 09/4/2026

Ngày phản biện: 22/4/2026

Ngày duyệt đăng: 20/6/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Khoa học xã hội và nhân văn

Tóm tắt: Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sáp nhập đơn vị hành chính đặt Thành phố Hồ Chí Minh trước bối cảnh chưa có tiền lệ: hợp nhất với Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu để hình thành đô thị đặc biệt với diện tích khoảng 6.772 km², dân số xấp xỉ 14 triệu người và mô hình quản trị hai cấp. Bài viết phân tích ba nhóm thách thức thể chế đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong quản trị kinh tế số: (i) phân cấp, phân quyền trong mô hình quản trị mới; (ii) liên thông hạ tầng số và dữ liệu; (iii) đồng bộ năng lực nhân lực số. Trên cơ sở lý thuyết quản trị đa cấp và nhà nước kiến tạo phát triển, bài viết đề xuất các hàm ý chính sách nhằm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chủ động ứng phó với các thách thức thể chế trong bối cảnh sáp nhập.

Từ khóa: kinh tế số; sáp nhập đơn vị hành chính; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; quản trị đa cấp; thể chế số.

Abstract: National Assembly Resolution No. 202/2025/QH15 on the merger of administrative units has placed Ho Chi Minh City in an unprecedented situation: its merge with Binh Duong and Ba Ria-Vung Tau to form a special municipality covering approximately 6,772 km², with a population of nearly 14 million and a two-tier governance model. This article analyzes three major institutional challenges facing the Ho Chi Minh City People's Committee in governing the digital economy: (i) decentralization and delegation of authority under the new governance model; (ii) interoperability of digital infrastructure and data systems; and (iii) the harmonization of digital workforce capacity. Drawing on theories of multi-level governance and the developmental state, the article proposes policy implications to enable the Ho Chi Minh City People's Committee to proactively address these institutional challenges in the context of administrative merger.

Keywords: digital economy; administrative unit merger; Ho Chi Minh City People's Committee; multi-level governance; digital institutions.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định chuyển đổi số là động lực đột phá chiến lược, trong đó kinh tế số được đặt ở vị trí trung tâm (Bộ Chính trị, 2024). Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 tiếp tục tạo hành lang pháp lý toàn

diện cho phát triển kinh tế số tại các địa phương (Quốc hội, 2025). Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cũng xác định mục tiêu tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP đến năm 2030 (Chính phủ, 2025). Trong bối cảnh đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đóng vai trò then chốt với tư cách chủ thể quản trị

trực tiếp, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các chính sách kinh tế số trên địa bàn. Đồng thời, Nghị quyết số 202/2025/QH15 và Nghị quyết số 260/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính đã mở ra tiến trình tái cấu trúc bộ máy chính quyền địa phương chưa có tiền lệ. Theo đó, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ hợp nhất với tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hình thành đô thị đặc biệt có quy mô gấp hơn ba lần diện tích hiện tại, dân số xấp xỉ 14 triệu người, áp dụng mô hình quản trị hai cấp theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Sự thay đổi căn bản này đặt ra những thách thức thể chế mới mà chưa có nghiên cứu nào phân tích một cách hệ thống từ góc độ quản trị kinh tế số.

Các nghiên cứu hiện có về sáp nhập đơn vị hành chính chủ yếu tập trung vào khía cạnh tổ chức bộ máy, biên chế và hiệu quả quản lý hành chính, nhưng chưa kết nối với quản trị kinh tế số - lĩnh vực đòi hỏi sự liên thông dữ liệu, đồng bộ hạ tầng và năng lực số xuyên suốt toàn bộ hệ thống chính quyền. Bài viết đặt ra câu hỏi nghiên cứu: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối diện những thách thức thể chế gì trong quản trị kinh tế số khi tiến trình sáp nhập đơn vị hành chính diễn ra?

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận định tính với phương pháp phân tích chính sách làm trung tâm. Các phương pháp cụ thể bao gồm: phân tích tài liệu (văn bản pháp luật, nghị quyết, quyết định, báo cáo của cơ quan nhà nước), so sánh thể chế (trước và trong bối cảnh sáp nhập), phân tích khung lý thuyết nhằm giải thích bản chất của các thách thức thể chế. Đối tượng nghiên cứu là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong vai trò chủ thể quản trị kinh tế số, phạm vi tập trung vào giai đoạn 2024-2026.

Khung lý thuyết dựa trên hai trụ cột.

Thứ nhất, lý thuyết quản trị đa cấp (multi-level governance) của Hooghe và Marks (2003), cho phép phân tích cách thức phân bổ quyền lực và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền trong quản trị kinh tế số.

Thứ hai, lý thuyết nhà nước kiến tạo phát triển (developmental state theory) của Johnson (1982) và Wong (2011), giúp giải thích vai trò chủ động của Ủy ban nhân dân trong dẫn dắt phát triển kinh tế số, không chỉ

đơn thuần quản lý hành chính mà còn kiến tạo thể chế và huy động nguồn lực.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Bối cảnh thể chế mới của Thành phố Hồ Chí Minh trong tiến trình sáp nhập

Nghị quyết số 306/NQ-CP xác định vùng Đông Nam Bộ tốc độ tăng trưởng GRDP khoảng 10%/năm giai đoạn 2026-2030, Thành phố Hồ Chí Minh sau sáp nhập là đô thị đặc biệt đạt tầm quốc tế, phát triển theo mô hình đa cực, đa trung tâm là đầu tàu dẫn dắt của vùng. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định mô hình quản trị hai cấp, xóa bỏ cấp quận/huyện, Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quản lý các đơn vị hành chính cơ sở (Quốc hội, 2025). Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đặt mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân 10-11%/năm, kinh tế số chiếm 30-40% GRDP. Cụ thể hóa mục tiêu này, Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 ban hành Chương trình thúc đẩy phát triển kinh tế số Thành phố giai đoạn 2026-2030 với 05 nhóm nhiệm vụ trọng tâm: hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số, nâng cao nhân lực số, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và tăng cường hợp tác quốc tế.

Tuy nhiên, Chương trình được thiết kế cho phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh hiện hữu, chưa tính đến quy mô và đặc thù hậu sáp nhập. Nền tảng kinh tế số phân bố không đồng đều giữa ba địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh tập trung phần lớn hoạt động đổi mới sáng tạo (SHTP, QTSC, SIHUB); Bình Dương phát triển theo hướng thành phố thông minh nhưng thiên về sản xuất công nghiệp; Bà Rịa - Vũng Tàu còn phụ thuộc nhiều vào công nghiệp khai thác và cảng biển (Đảng bộ TP.HCM, 2026).

Sự chênh lệch này tạo ra thách thức cốt lõi: Ủy ban nhân dân thành phố mới phải quản trị kinh tế số trên không gian địa lý rộng lớn, với mức độ sẵn sàng số rất khác nhau giữa các vùng. Nghị quyết số 98/2023/QH15 về cơ chế đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh tuy đã mở rộng quyền tự chủ, song Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố cũng chỉ rõ cần chủ động đề xuất điều chỉnh, sửa đổi một số điều Nghị quyết số 98/2023/QH15 cho phù hợp với bối cảnh mới (Quốc hội, 2023).

3.2. Những thách thức về quản trị kinh tế số của Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, phân cấp, phân quyền trong quản trị kinh tế số

Hooghe và Marks (2003) phân biệt hai loại quản trị đa cấp:

Type I (Quản trị đa cấp loại I) với các cấp chính quyền có thẩm quyền tổng hợp, ranh giới lãnh thổ rõ ràng;

Type II (Quản trị đa cấp loại II) với các đơn vị chức năng linh hoạt, chồng lấn về phạm vi. Mô hình hai cấp theo Luật số 72/2025/QH15 thuộc Type I - xóa bỏ cấp trung gian, đưa Ủy ban nhân dân thành phố vào vị trí trực tiếp quản lý hàng trăm đơn vị hành chính cơ sở. Nghị quyết số 306/NQ-CP nhấn mạnh yêu cầu "ổ chức vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp" và "đẩy mạnh phân cấp, phân quyền tập trung khai thác hiệu quả các nguồn lực từ đất đai". Đối với quản trị kinh tế số, điều này đặt ra hai vấn đề chính.

Một là, khoảng cách giữa quyết định chính sách và triển khai. Trong quản trị đa cấp Type I, khi cấp trung gian bị xóa bỏ mà chưa được thay thế bằng cơ chế phối hợp Type II, khoảng cách thể chế giữa cấp hoạch định và cấp thực thi tăng lên đáng kể. Quyết định số 3301/QĐ-UBND giao Tổ Triển khai phát triển kinh tế số làm đầu mối điều phối, nhưng cơ chế này được thiết kế cho hệ thống ba cấp hiện hữu, chưa giải quyết bài toán quản trị trực tiếp hàng trăm đơn vị cơ sở hậu sáp nhập. Các chính sách kinh tế số do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành phải triển khai trực tiếp tại cấp phường/xã mà thiếu cơ chế trung gian cụ thể hóa theo đặc thù địa bàn. Các vùng thuộc Bình Dương cũ (công nghiệp nặng) và Bà Rịa - Vũng Tàu cũ (kinh tế biển) có nhu cầu kinh tế số khác biệt so với lõi đô thị hiện hữu. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố cũng thừa nhận hạn chế: "điều hành của chính quyền ba địa phương trên một số lĩnh vực chưa thật chủ động, quyết liệt; sự phối hợp và cộng đồng trách nhiệm giữa các ngành, các cấp hiệu quả chưa cao" (Đảng bộ TP.HCM, 2026).

Hai là, phân quyền tài chính cho kinh tế số chưa rõ ràng. Quyết định số 3301/QĐ-UBND xác định "ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách" và "khuyến khích hợp tác công - tư", nhưng chưa có cơ chế phân

bổ ngân sách chuyển đổi số theo quy mô dân số hoặc diện tích sau sáp nhập. Khi diện tích mở rộng gấp hơn ba lần, chi phí phát triển hạ tầng số và đào tạo nhân lực tăng phi tuyến, trong khi Quyết định 749/QĐ-TTg năm 2020 không quy định công thức phân bổ theo quy mô.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố đặt ra chương trình trọng điểm "thí điểm mô hình đô thị tự chủ trong thành phố với quyền tự chủ cao trong quy hoạch, điều hành đô thị thông minh và tỷ lệ phân bổ ngân sách phù hợp", cho thấy nhu cầu tự chủ tài chính gắn với quản trị số đã được nhận diện nhưng chưa có cơ chế cụ thể (Đảng bộ TP.HCM, 2026).

Thứ hai, liên thông hạ tầng số và dữ liệu

Quyết định số 3301/QĐ-UBND đặt mục tiêu phát triển ít nhất 01 sản giao dịch dữ liệu, 02 trung tâm dữ liệu và 02 khu công nghệ số tập trung đến năm 2030 - nhưng các mục tiêu này được thiết kế cho phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh hiện hữu. Khi sáp nhập, bài toán tích hợp trở nên phức tạp hơn nhiều: ba địa phương sử dụng các nền tảng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản và cơ sở dữ liệu hành chính khác nhau (UBND TP. HCM, 2025). Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai Trung tâm Chuyển đổi số (DXCenter), Khung kiến trúc số theo Quyết định số 3616/QĐ-UBND với 04 phân lớp (hạ tầng số, dữ liệu dùng chung, ứng dụng nghiệp vụ, ứng dụng thông minh) và nền tảng đô thị thông minh; Bình Dương có dự án thành phố thông minh với đối tác công nghệ quốc tế nhưng trên nền tảng kỹ thuật riêng; Bà Rịa - Vũng Tàu phát triển theo lộ trình độc lập. Xung đột thể chế phát sinh ở ba điểm: tiêu chuẩn kỹ thuật không tương thích, quyền sở hữu và chia sẻ dữ liệu chưa được xác định, và chi phí chuyển đổi chưa có cơ chế phân bổ.

Nghị quyết số 306/NQ-CP yêu cầu "sớm hình thành các hành lang kinh tế kết nối các đô thị lớn tại các tỉnh, thành phố sau sáp nhập" và "phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia" (Chính phủ, 2025). Đây là định hướng từ cấp Chính phủ, nhưng việc hiện thực hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh đòi hỏi Ủy ban nhân dân phải chủ động xây dựng lộ trình cụ thể cho hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu, kết nối với hạ tầng số đồng bộ.

Khung đo lường chuyển đổi số (DTI) theo Quyết định số 405/QĐ-BKHCN với 47 chỉ số thành phần thuộc 9 trụ cột được thiết kế cho từng tỉnh/thành riêng lẻ, chưa có cơ chế đánh giá cho đơn vị hành chính mới hình thành từ sáp nhập (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025). Ủy ban nhân dân thành phố sẽ gặp khó khăn trong xây dựng lộ trình kinh tế số khi chưa có dữ liệu nền thống nhất cho toàn bộ phạm vi địa lý mới.

Thứ ba, năng lực nhân lực số và nhận thức số

Johnson (1982) chỉ ra rằng nhà nước kiến tạo phát triển thành công nhờ đội ngũ kỹ trị tinh hoa (elite bureaucracy) có năng lực hoạch định và thực thi chính sách công nghiệp. Wong (2019) bổ sung rằng trong kỷ nguyên số, năng lực kiến tạo đòi hỏi khả năng thể chế hóa nhanh chóng (institutional agility) - tức khả năng ban hành, điều chỉnh và thực thi chính sách số theo tốc độ thay đổi của công nghệ. Quyết định số 3301/QĐ-UBND đặt mục tiêu nhân lực kinh tế số đạt trên 2% lực lượng lao động đến năm 2026, nhưng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố thẳng thắn đánh giá: "năng lực, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ". Khoảng cách giữa mục tiêu chính sách và thực trạng năng lực trở nên sâu sắc hơn trong bối cảnh sáp nhập, thể hiện ở hai khía cạnh.

Một là, chênh lệch năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức giữa ba địa phương. Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai nhiều chương trình đào tạo chuyển đổi số từ sớm; Bình Dương có lợi thế từ chương trình thành phố thông minh nhưng năng lực số tập trung ở một số đơn vị đầu mối; Bà Rịa - Vũng Tàu còn hạn chế hơn về mặt bằng chung năng lực số cấp cơ sở. Nghị quyết số 306/NQ-CP đặt mục tiêu "tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, trí tuệ nhân tạo" nhưng việc hiện thực hóa tại thành phố mới sáp nhập đòi hỏi chương trình đào tạo vừa đạt chuẩn chung vừa linh hoạt theo đặc thù từng vùng.

Hai là, Ủy ban nhân dân thành phố còn phải nâng cao nhận thức số cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt tại các vùng ngoại thành mới sáp nhập - nơi hoạt động kinh tế còn mang tính truyền thống, mức độ tiếp cận dịch vụ số thấp hơn đáng kể so với lõi đô thị. Nghị

quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố đã đặt chỉ tiêu "100% tổ chức đảng xây dựng thực hiện chuyển đổi số có hiệu quả", cho thấy quyết tâm chính trị nhưng cũng phản ánh thực trạng chuyển đổi số chưa đồng đều.

Phân tích ba nhóm thách thức trên cho thấy một mâu thuẫn cấu trúc: Quyết định số 3301/QĐ-UBND thiết kế 05 nhóm nhiệm vụ phát triển kinh tế số giai đoạn 2026 - 2030 trên giả định phạm vi hành chính hiện hữu, trong khi tiến trình sáp nhập theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 và số 260/2025/QH15 làm thay đổi căn bản phạm vi đó. Cụ thể, nhiệm vụ "hoàn thiện chính sách và thể chế" trong Quyết định số 3301 chưa dự liệu cơ chế phân cấp Type II cho quản trị kinh tế số; nhiệm vụ "phát triển hạ tầng số" chưa tính đến yêu cầu tích hợp ba hệ sinh thái kỹ thuật khác nhau; nhiệm vụ "nâng cao nhân lực số" chưa giải quyết chênh lệch năng lực giữa ba địa phương. Bài học quan trọng từ lý thuyết quản trị đa cấp là quá trình tích hợp hạ tầng số và chuẩn hóa dữ liệu cần đi trước hoặc song hành với tiến trình sáp nhập hành chính, không thể để lại xử lý sau khi sáp nhập hoàn tất.

Bối cảnh Việt Nam có đặc thù riêng: Ủy ban nhân dân vận hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa là cơ quan chấp hành vừa là chủ thể kiến tạo. Đặc thù này tạo ra cả lợi thế lẫn ràng buộc cho sự nhạy bén về thể chế: một mặt, hệ thống chính trị tập trung cho phép huy động nguồn lực nhanh chóng khi có quyết tâm chính trị; mặt khác, quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đòi hỏi nhiều tầng phê duyệt, hạn chế tốc độ thích ứng thể chế. Nhìn nhận biện chứng, sáp nhập không chỉ là thách thức mà còn là cơ hội: quy mô dân số xấp xỉ 14 triệu người tạo thị trường nội bộ đủ lớn để tận dụng hiệu ứng mạng trong kinh tế số; hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu theo Nghị quyết số 306/NQ-CP mở ra không gian phát triển hạ tầng số liên vùng. Điều kiện tiên quyết là Ủy ban nhân dân Thành phố phải giải quyết được ba nhóm thách thức thể chế đã phân tích, đồng thời điều chỉnh Chương trình theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND cho phù hợp với quy mô hậu sáp nhập, trước khi các lợi thế quy mô phát huy tác dụng.

3.3. Một số hàm ý chính sách

Bài viết đã phân tích ba nhóm thách thức thể chế đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong quản trị kinh tế số gắn với sáp nhập đơn vị hành chính: (i) phân cấp, phân quyền trong mô hình quản trị hai cấp; (ii) liên thông hạ tầng số và dữ liệu; (iii) năng lực nhân lực số và nhận thức số. Điểm chung của ba nhóm thách thức là mâu thuẫn cấu trúc giữa Chương trình phát triển kinh tế số theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND - được thiết kế cho phạm vi hiện hữu - với yêu cầu quản trị trên không gian hậu sáp nhập rộng gấp hơn ba lần.

Trên cơ sở phân tích, bài viết đề xuất bốn hàm ý chính sách như sau:

Một là, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cần điều chỉnh Chương trình theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND, bổ sung cơ chế phân cấp quản trị kinh tế số phù hợp mô hình hai cấp. Cụ thể, nghiên cứu thành lập các cụm hành chính số - đơn vị phối hợp liên phường/xã theo vùng chức năng kinh tế (lõi đô thị, vùng công nghiệp Bình Dương cũ, vùng cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu cũ) - hoạt động theo nguyên tắc quản trị đa cấp Type II để bù đắp khoảng trống cấp trung gian. Tổ Triển khai phát triển kinh tế số cần được nâng cấp thẩm quyền điều phối tương xứng với quy mô mới.

Hai là, ưu tiên mở rộng Khung kiến trúc số Thành phố (Quyết định số 3616/QĐ-UBND) thành khung kiến trúc liên vùng ngay từ giai đoạn đầu của tiến trình sáp nhập. Trung tâm chuyển đổi số đóng vai trò đầu mối kỹ thuật, xây dựng lộ trình tích hợp ba hệ sinh thái số theo ba giai đoạn: thống nhất tiêu chuẩn kỹ thuật, kết nối dữ liệu dùng chung, và vận hành nền tảng tích hợp gắn với hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu.

Ba là, xây dựng chương trình chuẩn hóa năng lực số cho cán bộ, công chức toàn thành phố theo nhiều cấp độ, gắn với hệ thống KPI công vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố đã đề ra, kết hợp đào tạo tập trung và đào tạo tại chỗ phù hợp đặc thù từng vùng.

Bốn là, Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị cập nhật khung DTI (Quyết định số 405/QĐ-BKHCN) phù hợp với đơn vị hành chính hậu sáp nhập, xây dựng bộ chỉ số đánh giá liên vùng và cơ

sở dữ liệu nền thống nhất làm căn cứ đo lường hiệu quả triển khai Chương trình theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND trên phạm vi mới.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ những thách thức thể chế mang tính hệ thống đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong quản trị kinh tế số khi tiến trình sáp nhập đơn vị hành chính diễn ra, đặc biệt trên ba phương diện: phân cấp, phân quyền; liên thông hạ tầng số và dữ liệu; năng lực nhân lực số. Những thách thức này không chỉ phản ánh sự thay đổi về quy mô không gian quản trị mà còn đặt ra yêu cầu tái cấu trúc toàn diện mô hình quản trị kinh tế số theo hướng linh hoạt, tích hợp và thích ứng cao. Trong bối cảnh đó, việc điều chỉnh chính sách, hoàn thiện thể chế và tăng cường năng lực điều phối liên vùng trở thành điều kiện tiên quyết nhằm bảo đảm hiệu quả quản trị. Đồng thời, sáp nhập cũng mở ra cơ hội hình thành không gian kinh tế số quy mô lớn, nếu được khai thác hợp lý sẽ tạo động lực phát triển bền vững cho thành phố trong dài hạn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị. (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội.
2. Quốc hội. (2025), Luật số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025, Luật Chuyển đổi số, Hà Nội.
3. Chính phủ. (2025), Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Hà Nội.
4. Quốc hội. (2025), Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Hà Nội.
5. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (2025), Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Quốc hội. (2023). Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.
7. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2025), Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 ban hành Chương trình thúc đẩy phát triển kinh tế số Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Bộ Khoa học và Công nghệ (2025), Quyết định số 405/QĐ-BKHCN về Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số, Hà Nội.